**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG:**  **TỔ: TOÁN – LÝ - TIN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, KHỐI LỚP 8**

(Năm học 2023 - 2024)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp**; lớp Khối 8**; Số học sinh:** HS

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 01; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 0; Đại học: 01; Trên đại học: 0;

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Tốt: 01; Khá: 0; Đạt: 0; Chưa đạt: 0.

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | Máy tính | 40 | Bài thực hành sgk |  |
| 2 | Tivi | 01 | Bài lý thuyết, thực hành |  |
| 5 | Sách giáo khoa Tin học 8 | 2 | Bài lý thuyết, thực hành |  |
| 6 | Sách giáo viên Tin học 8 | 01 quyển/khối | Bài lý thuyết, thực hành |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối 8** | | | | |
| 2 |  | 01 | Bài 5. Sử dụng địa chỉ tương đối, địa chỉ tuyệt đối trong công thức |  |
| 3 |  | 01 | Bài 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu |  |
| 4 |  | 01 | Bài 7. Tạo, chỉnh sửa biểu đồ |  |
| 5 |  | 01 | Bài 8a. Thêm hình minh hoạ cho văn bản |  |
| 6 |  | 01 | Bài 9a. Trình bày văn bản |  |
| 7 |  | 01 | Bài 10a. Trình bày trang chiếu |  |
| 8 |  | 01 | Bài 11a. Sử dụng bản mẫu |  |
| 9 |  | 01 | Bài 12. Thuật toán, chương trình máy tính |  |
| 10 |  | 01 | Bài 13. Cấu trúc rẽ nhánh |  |
| 11 |  | 01 | Bài 14. Cấu trúc lặp |  |
| 12 |  | 01 | Bài 15. Gỡ lỗi chương trình |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[2]](#footnote-2)**

**1. Phân phối chương trình**

**\* Môn học: Tin học 8**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT**  **(1)** | **Bài học**  **(2)** | **Tiết  PPCT** | **Số tiết**  **(3)** | **YCCĐ**  **(4)** |
| **HỌC KỲ 1** | | | | |
|  | Bài 1. Lịch sử phát triển máy tính | 1,2 | 2 (2, 0) | ­ Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển máy tính.  ­ Nêu được ví dụ cho thấy sự phát triển máy tính đã đem đến những thay đổi lớn lao cho xã hội loài người. |
|  | Bài 2. Thông tin trong môi trường số | 3,4 | 2 (2, 0) | * Nêu được các đặc điểm của thông tin số. – Trình bày được tầm quan trọng của việc biết khai thác các nguồn thông tin đáng tin cậy. Nêu được ví dụ minh hoạ. – Sử dụng được công cụ tìm kiếm, xử lí và trao đổi thông tin trong môi trường số. Nêu được ví dụ minh hoạ. |
|  | Bài 3. Thông tin với giải quyết vấn đề | 5,6 | 2 (0, 2) | – Chủ động tìm kiếm được thông tin để thực hiện nhiệm vụ cụ thể. – Đánh giá được lợi ích của thông tin tìm được trong giải quyết vấn đề. Nêu được ví dụ minh hoạ. – Sử dụng được công cụ tìm kiếm, xử lí và trao đổi thông tin trong môi trường số. Nêu được ví dụ minh hoạ. |
|  | Bài 4. Sử dụng công nghệ kĩ thuật số | 7 | 1 (1, 0) | – Nhận biết và giải thích được một số biểu hiện vi phạm đạo đức, pháp luật, thiếu văn hoá khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số. – Bảo đảm được các sản phẩm số do bản thân tạo ra thể hiện được đạo đức, tính văn hoá và không vi phạm pháp luật |
|  | Bài 5. Sử dụng địa chỉ tương đối, địa chỉ tuyệt đối trong công thức | 8; 9 | 2 (1, 1) | – Giải thích được sự thay đổi địa chỉ tương đối trong công thức khi sao chép công thức. – Giải thích được sự khác nhau giữa địa chỉ tương đối, địa chỉ hỗn hợp và địa chỉ tuyệt đối của một ô tính. |
|  | Kiểm tra GHK1 | 10 | 1 (1,0) | - Kiểm tra lại kiến thức đã học đến thời điểm hiện tại.  - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.  - Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học. |
|  | Bài 6. Sắp xếp và lọc dữ liệu | 11, 12 | 2 (1, 1) | • Thực hiện được các thao tác sắp xếp, lọc dữ liệu. • Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng các chức năng sắp xếp, lọc dữ liệu. • Sử dụng được phần mềm bảng tính trợ giúp giải quyết bài toán thực tế. • Sao chép được dữ liệu từ tệp văn bản sang trang tính. |
|  | Bài 7. Tạo, chỉnh sửa biểu đồ | 13, 14 | 2 (1, 1) | – Thực hiện được các thao tác tạo biểu đồ. – Nêu được một số tình huống thực tế cần sử dụng các chức năng tạo biểu đồ. – Sao chép được dữ liệu từ tệp trình chiếu sang trang tính. – Sử dụng được phần mềm bảng tính trợ giúp giải quyết bài toán thực tế |
|  | Bài 8a. Thêm hình minh hoạ cho văn bản  Bài 8B. Xử lí ảnh | 15, 16 | 2 (1, 1) | – Thực hiện được các thao tác vẽ hình đồ hoạ trong văn bản. – Thực hiện được các thao tác chèn thêm, co dãn, xoá hình ảnh.  – Biết một số thao tác cơ bản chỉnh sửa ảnh kĩ thuật số. – Thực hiện được chọn vùng ảnh, thay đổi độ sáng, màu sắc, độ rực màu, độ sáng của đối tượng. |
|  | Ôn tập kiểm tra cuối kỳ 1 | 17 | 1 | - Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 1.  - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.  - Học sinh biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra. |
|  | KTHK1 | 18 | 1 (1,0) | - Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 1.  - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.  - Học sinh biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra. |
| **HỌC KỲ 2** | | | | |
|  | Bài 9a. Trình bày văn bản  Bài 9B. Ghép ảnh | 19, 20 | 2 (1, 1) | – Tạo được danh sách dạng liệt kê, đánh số trang, thêm đầu trang và chân trang. – Tạo được một số sản phẩm là văn bản có tính thẩm mĩ phục vụ nhu cầu thực tế  – Thực hiện được thêm, xoá, thay đổi kích thước, di chuyển ảnh, thay đổi thứ tự lớp (layers). – Biết được vai trò của lớp trong xử lí ảnh. |
|  | Bài 10a. Trình bày trang chiếu  Bài 10B. Xoay, cắt, thêm chữ vào ảnh | 21, 22 | 2 (1, 1) | – Sử dụng được màu sắc, cỡ chữ hài hoà và hợp lí với nội dung trang chiếu. – Đưa được vào trang chiếu đường dẫn đến video hay tài liệu khác. – Thực hiện được đánh số trang, thêm chân trang cho trang chiếu.  – Thực hiện được xoay ảnh, cắt ảnh, thêm chữ vào ảnh. |
|  | Bài 11A. Sử dụng bản mẫu  Bài 11B. Tẩy, tạo hiệu ứng cho ảnh | 23, 24 | 2 (1, 1) | – Sử dụng được các bản mẫu cho bài trình chiếu. – Tạo được các sản phẩm số phục vụ học tập, giao lưu và trao đổi thông tin.  – Thực hiện tẩy chi tiết không mong muốn trên bức ảnh; áp dụng hiệu ứng để tạo bức ảnh phác hoạ, làm mờ viền bức ảnh để làm nổi bật đối tượng, tạo hiệu ứng chuyển động cho ảnh. – Thực hiện được việc lựa chọn kiểu tệp để lưu trữ kết quả xử lí ảnh phù hợp với mục đích sử dụng. |
|  | Bài 12. Thuật toán, chương trình máy tính | 25, 26 | 2 (1, 1) | – Mô tả được kịch bản đơn giản dưới dạng thuật toán và tạo được một chương trình đơn giản. – Thể hiện được cấu trúc tuần tự trong chương trình. – Hiểu được chương trình là dãy các lệnh điều khiển máy tính thực hiện một thuật toán. – Nêu được khái niệm biến, hằng, kiểu dữ liệu và sử dụng được các khái niệm này ở các chương trình đơn giản. |
|  | KTGHK2 | 27 | 1 (1,0) | - Kiểm tra lại kiến thức đã học ở đầu học kì 2 đến thời điểm hiện tại.  - Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học. |
|  | Bài 13. Cấu trúc rẽ nhánh | 28, 29 | 2 (1, 1) | - Thể hiện được cấu trúc rẽ nhánh trong chương trình. - Nêu được biểu thức và sử dụng được khái niệm này ở các chương trình đơn giản. |
|  | Bài 14. Cấu trúc lặp | 30, 31 | 2 (1, 1) | – Thể hiện được cấu trúc lặp trong chương trình. |
|  | Bài 15. Gỡ lỗi chương trình | 32 | 1 (0, 1) | – Chạy thử, tìm lỗi và sửa được lỗi cho chương trình. |
| **CĐ 6. Hướng nghiệp với Tin học** | | | | |
|  | Bài 16. Tin học với nghề nghiệp | 33 | 1 (1, 0) | – Nêu được một số nghề nghiệp mà ứng dụng tin học sẽ làm tăng hiệu quả công việc. – Nêu được tên một số nghề thuộc lĩnh vực tin học và một số nghề liên quan đến ứng dụng tin học. – Nhận thức và trình bày được vấn đề bình đẳng giới trong việc sử dụng máy tính và trong ứng dụng tin học, nêu được ví dụ minh hoạ. |
|  | Ôn tập HK2 | 34 | 1 (1, 0) | - Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 2.  - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.  - Hs biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra. |
|  | KTHK2 | 35 | 1 (1, 0) |

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Chuyên đề  (1) | Số tiết  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian  (1) | Thời điểm  (2) | Yêu cầu cần đạt  (3) | Hình thức  (4) |
| KHỐI 8 | | | | |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9 | - Kiểm tra lại kiến thức đã học đến thời điểm hiện tại.  - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.  - Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học. | Viết |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18 | - Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 1.  - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.  - Học sinh biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra. | Viết |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 27 | - Kiểm tra lại kiến thức đã học ở đầu học kì 2 đến thời điểm hiện tại.  - Góp phần rèn luyện sự chăm chỉ, kiên trì và cẩn thận trong quá trình học. | Viết |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 35 | - Kiểm tra lại kiến thức của các em đã học ở học kì 2.  - Hình thành và phát triển tư duy thuật toán, bước đầu có tư duy điều khiển hệ thống.  - Hs biết cách vận dụng kiến thức đã học vào để làm bài kiểm tra. | Viết |

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)*  **Nguyễn Tấn Linh** | *Phú quý, ngày 6 tháng 9 năm 2023*  **P.HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)*  **Lương Khắc Sơn** |

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-2)